

**BỘ TIÊU CHÍ PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ, XÉT CÔNG NHẬN MỨC ĐỘ
CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ (TẠM THỜI)**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND Thành phố)

Stt		Nhóm tiêu chí/ Tên tiêu chí	Mức độ					Căn cứ	Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị thẩm định, đánh giá
TT	Chi tiết		1. Khởi động	2. Kết nối	3. Cơ bản	4. Nâng cao	5. Toàn diện			
	I	Chính quyền số								
1	1	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc	80%	85%	90%	95%	100%	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/02/2026	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Báo cáo công tác xử lý hồ sơ công việc trên Hệ thống thông tin báo cáo Thành phố; báo cáo của UBND cấp xã	Văn phòng UBND Thành phố
2	2	Tỷ lệ báo cáo đúng hạn của cấp xã được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo Thành phố	80%	85%	90%	95%	100%	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/02/2026	Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố	Văn phòng UBND Thành phố
3	3	Có bố trí người làm công tác chuyên trách hoặc đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số và an toàn thông tin theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	Tối thiểu 01 nhân sự	Tối thiểu 01 nhân sự	Tối thiểu 01 nhân sự	Tối thiểu 01 nhân sự	Tối thiểu 02 nhân sự	Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ

Stt		Nhóm tiêu chí/ Tên tiêu chí	Mức độ					Căn cứ	Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị thẩm định, đánh giá
TT	Chi tiết		1. Khởi động	2. Kết nối	3. Cơ bản	4. Nâng cao	5. Toàn diện			
4	4	Tỷ lệ nội dung thông tin bắt buộc được cung cấp đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của cấp xã theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT	Không áp dụng	Không áp dụng	80%	90%	100%	Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông	Kiểm tra trực tiếp trang thông tin điện tử; báo cáo của UBND cấp xã	Văn phòng UBND Thành phố
5	5	Tỷ lệ cuộc họp của chính quyền cấp xã được tổ chức và điều hành thông qua hệ thống, nền tảng họp không giấy tờ	Không áp dụng	Không áp dụng	80%	90%	100%	Thực tế triển khai tại Thành phố	Báo cáo của UBND cấp xã; nhật ký hệ thống họp	Văn phòng UBND Thành phố
6	6	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị của người dân được xử lý đúng hạn trên iHanoi	Không áp dụng	Không áp dụng	80%	90%	100%	Công văn số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố	Hệ thống iHanoi; báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
7	7	Tỷ lệ kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân được công bố công khai trên iHanoi	Không áp dụng	Không áp dụng	80%	90%	100%	Công văn số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố	Hệ thống iHanoi; báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ

Stt		Nhóm tiêu chí/ Tên tiêu chí	Mức độ					Căn cứ	Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị thẩm định, đánh giá
TT	Chi tiết		1. Khởi động	2. Kết nối	3. Cơ bản	4. Nâng cao	5. Toàn diện			
8	8	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng khung năng lực số theo quy định	60%	70%	80%	90%	100%	Kế hoạch 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy	Hệ thống đánh giá khung năng lực số; báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
9	9	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của UBND cấp xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	50%	100%	Kế hoạch 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy	Công an Thành phố, báo cáo của UBND cấp xã	Công an Thành phố
10	10	Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu của UBND cấp xã	Không áp dụng	Không áp dụng	Đạt cấp độ 3	Đạt cấp độ 4	Đạt cấp độ 5	Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 của UBND Thành phố	Công an Thành phố, báo cáo của UBND cấp xã	Công an Thành phố
11	11	Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý trước hạn, đúng hạn	98%	99%	100%	100%	100%	Kế hoạch 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy; Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố và các Bộ, ngành	Trung tâm Phục vụ hành chính công
12	12	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC	80%	85%	90%	95%	100%	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố và các Bộ, ngành	Trung tâm Phục vụ hành chính công
13	13	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp kết quả điện tử	100%	100%	100%	100%	100%	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố và các Bộ, ngành	Trung tâm Phục vụ hành chính công

Stt		Nhóm tiêu chí/ Tên tiêu chí	Mức độ					Căn cứ	Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị thẩm định, đánh giá
TT	Chi tiết		1. Khởi động	2. Kết nối	3. Cơ bản	4. Nâng cao	5. Toàn diện			
14	14	Tỷ lệ hồ sơ TTHC bị yêu cầu bổ sung quá 01 lần	≤20%	≤15%	≤10%	≤5%	≤3%	Thực tế triển khai tại Thành phố	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố và các Bộ, ngành	Trung tâm Phục vụ hành chính công
15	15	Tỷ lệ văn bản, nhiệm vụ, lịch họp được cập nhật, theo dõi xử lý trên HanoiWork	80%	85%	90%	95%	100%	Thực tế triển khai tại Thành phố	Hệ thống HanoiWork, báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
16	16	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn trên HanoiWork	80%	85%	90%	95%	100%	Thực tế triển khai tại Thành phố	Hệ thống HanoiWork, báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
17	17	Tỷ lệ nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành của UBND cấp xã được giao việc, theo dõi tiến độ trên môi trường số	80%	85%	90%	95%	100%	Thực tế triển khai tại Thành phố	Hệ thống theo dõi nhiệm vụ; HanoiWork; báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
18	18	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc trên môi trường số	100%	100%	100%	100%	100%	Kế hoạch 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy	Báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
	II	Kinh tế số - Xã hội số								
19	1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn cấp xã (mầm non, phổ thông cơ sở) đạt mức độ chuyên đổi số từ mức độ 2 trở lên theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 và Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo so với tổng số cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn	Không áp dụng	<80%	80%	90%	100%	Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Báo cáo của UBND cấp xã	Sở Giáo dục và Đào tạo

Stt		Nhóm tiêu chí/ Tên tiêu chí	Mức độ					Căn cứ	Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị thẩm định, đánh giá
TT	Chi tiết		1. Khởi động	2. Kết nối	3. Cơ bản	4. Nâng cao	5. Toàn diện			
20	2	Tỷ lệ hệ thống wifi công cộng miễn phí phục vụ nhu cầu của người dân và du khách tại các điểm công cộng như tại nhà văn hóa, các điểm tham quan du lịch, trụ sở UBND cấp xã	90%	93%	95%	98%	100%	Công văn số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Báo cáo của UBND cấp xã; danh sách điểm wifi; minh chứng triển khai	Sở Khoa học và Công nghệ
21	3	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	70%	75%	80%	85%	90%	Kế hoạch 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy	Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử của ngành Y tế	Sở Y tế
22	4	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường triển khai phần mềm quản lý trạm y tế và kết nối dữ liệu với Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử của Thành phố	50%	70%	80%	90%	100%	Kế hoạch 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy	Hệ thống phần mềm quản lý trạm y tế; Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử của ngành Y tế	Sở Y tế
23	5	Tỷ lệ người dân có dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh được cập nhật trên Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử	50%	65%	75%	85%	95%	Kế hoạch 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy; Định hướng chuyển đổi số ngành Y tế (liên thông dữ liệu khám chữa bệnh)	Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử của ngành Y tế; Hệ thống thông tin bệnh viện (HIS), phần mềm trạm y tế	Sở Y tế
24	6	Tỷ lệ người dân ở độ tuổi trưởng thành có tài khoản iHanoi	<70%	70%	75%	80%	85%	Kế hoạch 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy	Hệ thống iHanoi, báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
25	7	Tỷ lệ người dân ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	50%	55%	60%	65%	70%	Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 của UBND Thành phố	Báo cáo của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số; báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ

Stt		Nhóm tiêu chí/ Tên tiêu chí	Mức độ					Căn cứ	Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị thẩm định, đánh giá
TT	Chi tiết		1. Khởi động	2. Kết nối	3. Cơ bản	4. Nâng cao	5. Toàn diện			
26	8	Tỷ lệ người dân được đánh giá đạt từ mức năng lực số cơ bản trở lên theo Khung năng lực số dành cho công dân thành phố Hà Nội	75%	80%	85%	90%	95%	Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 của UBND Thành phố; Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 26/4/2026 của UBND Thành phố ban hành Khung năng lực số dành cho công dân Thủ đô	Báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
27	9	Tỷ lệ người dân ở độ tuổi trưởng thành có điện thoại thông minh	75%	80%	85%	90%	95%	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026	Báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
28	10	Tỷ lệ tổ dân phố/khu dân cư triển khai hoạt động hướng dẫn kỹ năng số cộng đồng	80%	85%	90%	95%	100%	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026	Báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
29	11	Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ tiếp cận dịch vụ số thiết yếu và được hướng dẫn kỹ năng số cơ bản	80%	85%	90%	95%	100%	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026	Báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
30	12	Tỷ lệ chợ dân sinh trên địa bàn có phương thức thanh toán số	65%	70%	75%	80%	85%	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026	Báo cáo của UBND cấp xã	Sở Công Thương

Stt		Nhóm tiêu chí/ Tên tiêu chí	Mức độ					Căn cứ	Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị thẩm định, đánh giá
TT	Chi tiết		1. Khởi động	2. Kết nối	3. Cơ bản	4. Nâng cao	5. Toàn diện			
31	13	Tỷ lệ siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn có phương thức thanh toán số	80%	85%	90%	95%	100%	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026	Báo cáo của UBND cấp xã	Sở Công Thương
32	14	Tỷ lệ học sinh được tiếp cận học liệu số	70%	75%	80%	85%	≥90%	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026	Báo cáo của UBND cấp xã	Sở Giáo dục và Đào tạo
33	15	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang	80%	85%	90%	95%	100%	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026	Báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
34	16	Tỷ lệ công dân Việt Nam trên địa bàn được cấp tài khoản định danh điện tử (VNeID)	75%	80%	85%	90%	≥95%; trong đó, VNeID mức độ 2 đạt 90%	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026	Công an Thành phố; Báo cáo của UBND cấp xã	Công an Thành phố
35	17	Tỷ lệ tổ chức đủ điều kiện được cấp tài khoản định danh điện tử	70%	75%	80%	85%	≥90%	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026	Công an Thành phố; Báo cáo của UBND cấp xã	Công an Thành phố
36	18	Tỷ lệ người dân đánh giá “Hài lòng” hoặc “Rất hài lòng” đối với kết quả xử lý trên iHanoi	60%	70%	80%	90%	100%	Thực tế triển khai tại Thành phố	Hệ thống iHanoi, báo cáo của UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ